TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-11-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị D, sinh năm 1979. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Điểu L, sinh năm: 1978. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ 1, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Thị D trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, chị Thị D và anh Điểu L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1997. Đến năm 2007, chị D và anh L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là xã T, huyện H), tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L hay nhậu nhẹt, cờ bạc và thường xuyên kiếm cớ đánh đập chị D. Do con cái còn nhỏ, chị D đã cho anh L thời gian để anh L thay đổi nhưng đến thời điểm hiện nay anh L vẫn không khắc phục và thường xuyên đánh đập chị D. Chị D cảm thấy con cái đã lớn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị D và anh L có 03 con chung là Thị Nhật H – SN: 1999, Thị Th – SN: 2001, Điểu Minh T – SN: 2010. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Điểu Minh T và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với Thị Nhật H và Thị Th đã trưởng thành nên chị Dkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2019, bị đơn anh Điểu L trình bày:

Anh L không nhớ kết hôn với chị D năm nào, chỉ nhớ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Anh L cảm thấy hai vợ chồng vẫn sống hạnh phúc từ đó cho đến nay. Do anh L ít khi ở nhà nên không biết lý do gì chị D yêu cầu ly hôn. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh L đồng ý.

Về con chung: Hai vợ chồng có 03 người con chung là Thị Nhật H, Thị Th, Điểu Minh T. Anh L không nhớ năm sinh của 03 con chung. Khi ly hôn, anh L đồng ý để chị D nuôi con chung Điểu Minh T nhưng anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có.

Nợ chung: hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thựa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không tham gia quá trình hòa giải, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn của chị Thị D và anh Điểu L, giao cho chị D được quyền trực tiếp nuôi con chung Điểu Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điểu L, cư trú tại ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị D thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự cùng các chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng: Anh Điểu L và chị Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2007. Quá trình chung sống, anh L cho rằng không có mâu thuẫn nhưng chị D không chấp nhận được việc anh thường xuyên ăn nhậu và đánh đập chị D. Chị D yêu cầu ly hôn và anh L đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên, không trái quy định của pháp luật nên cần ghi nhận việc thuận tình ly hôn của chị D và anh L, yêu cầu khởi kiện của chị D về việc ly hôn với anh Điểu L được chấp nhận.

Về con chung: Chị D và anh L có 03 con chung là Thị Nhật H – SN: 1999, Thị Th – SN: 2001, Điểu Minh T – SN: 2010. Khi ly hôn, chị D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Điểu Minh T và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu T có nguyện vọng sống chung với chị Dũ, anh L đồng ý để chị D nuôi cháu T và thống nhất anh L không cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của các bên nên cần ghi nhận. Yêu cầu này của chị D được chấp nhận.

Đối với Thị Nhật H và Thị Th, do đã trưởng thành, anh L và chị D đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: anh L và chị D đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: anh L và chị D khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh L không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; ; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Cắn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Thị D và anh Điểu L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 15/01/2007 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước (nay là xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước) hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Điểu Minh T – SN: 2010 cho chị Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Thị D phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005403 ngày 20/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải